

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn giữa anh V
và chị L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Mạnh
2. Ông Nguyễn Anh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1440/2017/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Hữu V, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 6, phường H, quận K, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thụy Điền. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Hữu V trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 19 tháng 2 năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở Việt Nam được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách khác xa nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị L đã sang Thụy Điền sinh sống từ tháng 4 năm 2016. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc anh V đề nghị được ly hôn với chị L. Con chung và tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tư khai và đơn đề nghị gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày thống nhất với anh Lê Hữu V về quá trình kết hôn, lý do xin ly hôn, con chung và tài sản chung.

Do chị L ở nước ngoài nên theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa anh V có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, chị L vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Hữu V và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 19 tháng 02 năm 2016, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 126 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, chị L hiện đang cư trú ở nước ngoài nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh V được ly hôn và xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn anh V và chị L chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau. Trong khi mâu thuẫn vợ chồng chưa được hàn gắn chị L lại ra nước ngoài sinh sống, vợ chồng không có điều kiện quan tâm chia sẻ làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Nay cả hai cùng xác định không còn tình cảm, vì vậy việc anh V, chị L xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng.

[4]. Xét quan hệ hôn nhân giữa anh V, chị L đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của anh Lê Hữu V và chị Nguyễn Thị L.

[5]. Về con chung: Anh V, chị L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Anh V, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm Anh Lê Hữu V là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Lê Hữu V và chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hữu V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hữu V và chị Nguyễn Thị L được ly hôn.
2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung: Anh V và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Anh Lê Hữu V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003876 ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng. Anh V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo:
 - Anh Lê Hữu V và được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
 - Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng

